

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ
CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

10/10/2023

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303218213 ngày 14 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 4, ngày cấp 03/12/2015. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh theo Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ 17.257.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08 3516 2933

Mã số thuế: 0303218213

Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng thành viên:	Chức vụ
- Ông Lưu Văn Cường	Chủ tịch
- Ông Dương Hồng Nhân	Thành viên
- Bà Phạm Thị Ánh Hồng	Thành viên

Kiểm soát viên	Chức vụ
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Kiểm soát viên

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:	Chức vụ
- Ông Dương Hồng Nhân	Giám đốc
- Bà Lâm Thị Hoàng Hương	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Nga	Phó Giám đốc
- Bà Phạm Thị Ánh Hồng	Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 23 tháng 01 năm 2017

Thầy mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Dương Hồng Nhân
Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh, được lập ngày 23 tháng 01 năm 2017, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2016 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ (Thuyết minh số V13). Hiện Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2016.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2017

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thành Đức

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2013-196-1

A handwritten signature in black ink, appearing to be "Trần Minh Bảo".

Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2015-196-1

11
:G
A
C
J
T
1-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2016	TẠI NGÀY 01/01/2016
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		128.723.079.418	92.395.799.481
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		40.788.909.638	44.953.964.140
1. Tiền	111	V.01	24.059.783.261	29.048.439.434
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.729.126.377	15.905.524.706
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.937.944.921	19.263.436.965
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	27.410.257.606	13.655.636.303
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.271.696.104	2.453.352.576
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	6.255.991.211	3.154.448.086
IV. Hàng tồn kho	140		52.996.224.859	27.969.590.351
1. Hàng tồn kho	141	V.05	52.996.224.859	27.969.590.351
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	208.808.025
1. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.07	-	208.808.025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.663.914.749	40.147.029.525
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.153.869.120	14.982.846.031
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02b	3.153.869.120	14.982.846.031
II. Tài sản cố định	220		2.721.334.497	1.974.133.845
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	2.721.334.497	1.974.133.845
Nguyên giá	222		17.080.839.226	15.416.798.662
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.359.504.729)	(13.442.664.817)
III. Bất động sản đầu tư	230		19.360.476.521	21.716.552.198
Nguyên giá	231	V.09	30.242.811.816	33.184.601.578
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.882.335.295)	(11.468.049.380)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		428.234.611	1.473.497.451
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	428.234.611	1.473.497.451
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		154.386.994.167	132.542.829.006

2. / T M H N H A I P.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2016	TẠI NGÀY 01/01/2016
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		108.355.179.976	76.516.331.607
I. Nợ ngắn hạn	310		108.330.179.976	74.368.831.607
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	5.821.154.058	25.889.755.158
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	731.202.175	4.003.496.149
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	16.449.102.224	9.896.926.552
4. Phải trả người lao động	314	V.13	12.499.326.263	8.644.260.063
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	5.953.534.874	4.710.053.574
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	55.045.866.541	16.233.502.692
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	637.500.000	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	11.192.493.841	4.990.837.419
II. Nợ dài hạn	330		25.000.000	2.147.500.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	25.000.000	25.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	-	1.912.500.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.17	-	210.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		46.031.814.191	56.026.497.399
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	17.256.635.403	23.632.319.719
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.256.635.403	17.256.635.403
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	6.375.684.316
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	6.375.684.316
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.20	28.775.178.788	32.394.177.680
1. Nguồn kinh phí	431		5.562.065.352	6.824.988.567
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		23.213.113.436	25.569.189.113
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		154.386.994.167	132.542.829.006

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Hậu

Phạm Thị Ánh Hồng

Dương Hồng Nhân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	174.602.078.561	162.709.082.270
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		19.109.409.922	15.899.850.424
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		155.492.668.639	146.809.231.846
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	138.676.283.266	132.328.283.752
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.816.385.373	14.480.948.094
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.613.253.967	1.789.484.527
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	97.961.614	203.786.615
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		97.961.614	203.786.615
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	10.330.605.149	8.783.126.301
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.001.072.577	7.283.519.705
11. Thu nhập khác	31	VI.06	668.079.599	441.047.630
12. Chi phí khác	32	VI.07	48.249.317	87.377.507
13. Lợi nhuận khác	40		619.830.282	353.670.123
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.620.902.859	7.637.189.828
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.724.180.572	1.633.981.762
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.896.722.287	6.003.208.066
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hậu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Ánh Hồng

Ngày 23 tháng 01 năm 2017

Giám đốc



Dương Hồng Nhân

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	2016	2015
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và	01		83.306.222.853	82.626.874.790
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và	02		(87.110.676.958)	(67.717.324.285)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(50.684.453.174)	(52.128.842.863)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(97.079.739)	(203.789.615)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.416.288.985)	(2.112.985.027)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		146.571.833.461	1.383.247.901.704
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(94.781.600.680)	(1.349.333.706.698)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(4.212.043.222)	(5.621.871.994)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.321.988.720	1.789.484.527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.321.988.720	1.789.484.527
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(1.275.000.000)	(1.275.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.275.000.000)	(1.275.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(4.165.054.502)	(5.107.387.467)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	2016	2015
1	2	3	4	5
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		44.953.964.140	50.061.351.607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		40.788.909.638	44.953.964.140

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Hậu

Phạm Thị Ánh Hồng



Dương Hồng Nhân

7/1/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303218213 ngày 14 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 4, ngày cấp 03/12/2015. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh theo Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 17.257.000.000 VND

Trụ sở đặt tại: Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công ích, xây dựng,...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

21
/NI
/HI
/TH
/JU
/O
/NF
/AM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt tại quỹ	926.557.691	968.128.914
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	268.557.691	634.428.914
+ Vàng bạc, kim khí, đá quý	658.000.000	333.700.000
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	23.133.225.570	28.080.310.520
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	16.702.553.363	21.413.429.762
- Ngân hàng Vietcombank	824.000	956.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	6.423.911.102	6.660.012.742
- Ngân hàng TMCP Việt Á (SGD)	5.937.105	5.912.016
Các khoản tương đương tiền	16.729.126.377	15.905.524.706
- Ngân hàng TMCP Việt Á (CKH)	9.197.086.692	8.726.517.914
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7.532.039.685	7.179.006.792
Tổng cộng	40.788.909.638	44.953.964.140

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	31/12/2016	01/01/2016
2. Phải thu khách hàng		
<i>a Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
- Phòng tài chính kế hoạch Quận Bình Thạnh	1.564.719.172	2.129.739.875
- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây Dựng	67.629.000	67.629.000
- Các công nợ cá nhân nhà Sở hữu Nhà nước	6.138.259.874	4.734.288.762
- Công ty môi trường Đô Thị	14.314.158.755	6.553.322.365
- Đội thi công trực thuộc (Công ty TNHH MTV DV Công ích Quận Bình Thạnh)	5.089.965.405	-
- Các khách hàng khác	235.525.400	170.656.301
Tổng cộng	27.410.257.606	13.655.636.303
<i>b Phải thu của khách hàng dài hạn</i>		
- Ban Quản Lý Đầu tư Xây dựng Quận Bình Thạnh	1.435.279.129	8.774.205.480
- Ủy ban nhân dân Phường 11	-	622.305.000
- Văn phòng UBND Quận Bình Thạnh	-	499.652.000
- Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn (Cấp nước Gia Định)	648.867.009	648.867.009
- Công ty Cổ phần Tân Liên Phát	-	235.676.957
- Dự án Phường 7	-	3.851.341.960
- Vũ Thị Châu (nhà biệt thự đơn lập căn C thuộc dự án Phường 7)	800.013.924	-
- Dự án Phường 13	-	320.547.000
- Ủy ban nhân dân Phường 14	243.884.000	
- Các khách hàng khác	25.825.058	30.250.625
Tổng cộng	3.153.869.120	14.982.846.031
3. Trả trước cho người bán		
- Công Ty TNHH Phát Triển Đô Thị An Phước	1.220.459.600	2.120.459.600
- Khảo sát thiết kế - Lô 4 - 6 CXTĐ	-	80.163.000
- CN Công ty Vissan - XN Chế biến KDTP	-	82.882.800
- Công ty Cổ phần ĐT PT Robo	-	105.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Hồng Sơn	-	36.572.833
- Công ty TNHH Kiểm toán Thái Bình Dương	44.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Điện Lữ Gia	7.236.504	-
- Các khách hàng khác	-	28.274.343
Tổng cộng	1.271.696.104	2.453.352.576

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. Các khoản phải thu khác	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a Ngắn hạn				
UBND Quận Bình Thạnh (42 căn nhà Tạm cư P21)	338.670.743		338.670.743	
Chi phí đo vẽ nhà sở hữu Nhà n	-		42.857.752	
Bảo hiểm xã hội, y tế nhân viên	-		139.310.564	
Chi phí giải tỏa Lô 4-6 CX Thanh Đa	593.236.622		412.445.322	
(*) Các khoản tạm ứng nhân viên	4.671.087.642		2.108.251.129	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	91.993.200		46.023.900	
Phải thu tiền BHXH	-		29.656.028	
Phải thu khác lương nhân viên	452.306.702		-	
Lãi dự thu ngân hàng	97.634.992		-	
Phải thu khác	11.061.310		37.232.648	
Tổng cộng	6.255.991.211	-	3.154.448.086	-
(*) Chi tiết các khoản tạm ứng nhân viên		31/12/2016	01/01/2016	
+ Nguyễn Ngọc Nga		2.110.927.196	410.712.266	
+ Phạm Đình Nghị		387.110.820	90.915.745	
+ Đỗ Thích		105.960.206	246.114.525	
+ Trịnh Huy Dương		859.410.000	561.160.000	
+ Phạm Xuân Quang		770.765.538	418.093.593	
+ Nguyễn Văn Cứ		190.913.882	70.000.000	
+ Vũ Thị Vân Anh		-	44.060.000	
+ Ngô Anh Tuấn		-	20.000.000	
+ Trần Hải Quang		-	27.195.000	
+ Huỳnh Công Trí		106.000.000	140.000.000	
+ Phạm Ngọc Phụng		-	80.000.000	
+ Nguyễn Văn Lập		100.000.000	-	
+ Nguyễn Thị Bích Hằng		40.000.000	-	
5. Hàng tồn kho	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-		84.218.546	
Công cụ, dụng cụ	568.039.116		670.602.937	
(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang(*)	52.428.185.743		27.214.768.868	
Tổng cộng	52.996.224.859	-	27.969.590.351	-

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. Hàng tồn kho (tiếp theo)

(*) Chi tiết các chi phí kinh doanh dở dang:	31/12/2016	01/01/2016
- Thi công các công trình kinh doanh	15.664.665.761	3.416.365.841
+ Nâng cấp vỉa hè đường Nơ Trang Long Quận Bình Thạnh	1.842.134.366	-
+ Công trình Đài tưởng niệm Liệt sĩ Quận Bình Thạnh	-	231.187.207
+ Sửa chữa hội trường UBND Quận Bình Thạnh	-	1.170.379.450
+ Công trình tái lập mặt đường	-	25.237.434
+ Trụ sở làm việc UBND Phường 24	1.028.695.939	-
+ Nâng cấp vỉa hè đường Bạch Đằng quận Bình Thạnh	2.614.262.252	-
+ Xây mới trụ sở làm việc Ủy Ban Nhân Dân Phường 6	2.384.253.158	-
+ Xây mới trụ sở làm việc Ủy Ban Nhân Dân Phường 19	2.911.191.922	-
+ Thi công công trình kinh doanh khác	4.884.128.124	1.989.561.750
- Hoạt động dự án	33.024.269.205	19.432.206.371
+ Dự án phường 13	33.024.269.205	19.423.171.071
+ Dự án khác		9.035.300
- Duy tu đường bộ	2.043.152.220	-
- Dịch vụ vệ sinh vận chuyển		3.178.923.396
- Quản lý nhà - dịch vụ quản lý chung cư	1.696.098.557	371.087.772
- Đội công viên cây xanh		816.185.488

6. Chi phí trả trước

	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	1.473.497.451	12.189.736.523	13.234.999.363	428.234.611
Tổng cộng	1.473.497.451	12.189.736.523	13.234.999.363	428.234.611

7. Tài sản khác

	31/12/2016	01/01/2016
a Tài sản ngắn hạn khác		
+ Chi sự nghiệp	-	208.808.025
Tổng cộng	-	208.808.025

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình								
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng		
Nguyên giá								
Số dư ngày 01/01/2016	2.512.133.999		12.687.363.561	217.301.102		15.416.798.662		
- Mua trong năm	-			318.232.000		318.232.000		
- Đầu tư XD CB hoàn thành	1.640.582.394					1.640.582.394		
- Thanh lý, nhượng bán			(197.000.000)	(97.773.830)		(294.773.830)		
Số dư ngày 31/12/2016	4.152.716.393	-	12.490.363.561	437.759.272	-	17.080.839.226		
Khấu hao lũy kế								
Số dư ngày 01/01/2016	2.355.020.300	-	10.917.656.250	169.988.267	-	13.442.664.817		
- Khấu hao trong năm	82.401.095		887.510.311	241.702.336		1.211.613.742		
- Thanh lý, nhượng bán			(197.000.000)	(97.773.830)		(294.773.830)		
Số dư ngày 31/12/2016	2.437.421.395	-	11.608.166.561	313.916.773	-	14.359.504.729		
Giá trị còn lại								
Số dư ngày 01/01/2016	157.113.699	-	1.769.707.311	47.312.835	-	1.974.133.845		
Số dư ngày 31/12/2016	1.715.294.998	-	882.197.000	123.842.499	-	2.721.334.497		
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:								
Nhà cửa, vật kiến trúc		462.013.882						
PTV/Tài, truyền dẫn		6.323.999.925						
Dụng cụ quản lý		193.042.000						
Tổng cộng		6.979.055.807						

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Phải trả người bán (tiếp theo)	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Công trình sửa chữa Trường THCS Lê Văn Tám	-	-	82.675.000	82.675.000
- Cty CP Vật Liệu Xây Dựng Không Nung Toàn Thắng	237.566.032	237.566.032		
- Công Ty TNHH Thìn Phát	244.270.800	244.270.800		
- Công ty TNHH TM DV An Hồng Sơn	128.100.000	128.100.000		
- Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	105.560.020	105.560.020	-	-
- DNTN Tâm Hồng Sơn	101.683.505	101.683.505	-	-
- Công ty TNHH Ngọc Quang Minh (thực hiện dự án Phường 13: 658.015.200 +103.136.000)	761.151.200	761.151.200	-	-
- Đội thi Công công trình (sửa chữa, nâng cấp vỉa hè,..)	1.906.700.000	1.906.700.000	-	-
- Garage Tấn Lực	549.960.000	549.960.000	-	-
- Các khách hàng khác	526.617.342	526.617.342	197.934.400	197.934.400
Tổng cộng	5.821.154.058	5.821.154.058	25.889.755.158	25.889.755.158
11. Người mua trả tiền trước				
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ban Quản Lý Đầu tư Xây dựng Quận Bình Thạnh	501.068.639	501.068.639	310.511.372	310.511.372
- Phòng Tài Chính Kế Hoạch Quận Bình Thạnh	8.901.036	8.901.036	146.247.628	146.247.628
- Công ty CP Đầu tư Vinh Phát (thuộc Công nợ nhà SHNN)	-	-	50.001.800	50.001.800
- UBND Phường 11 Quận Bình Thạ	-	-	47.390.000	47.390.000
- Dự án Phường 7	-	-	2.727.997.069	2.727.997.069
- Dự án Phường 13	-	-	424.251.280	424.251.280
- Ban Vận động vì người nghèo	162.000.000	162.000.000		
- Khách hàng khác	59.232.500	59.232.500	297.097.000	297.097.000
Tổng cộng	731.202.175	731.202.175	4.003.496.149	4.003.496.149

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

9. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Nhà sản xuất, kinh doanh	Nhà ở	Nhà chung cư	Bất động sản khác	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2016	4.196.969.649	27.290.537.189	1.697.094.740	-	33.184.601.578
Tăng trong năm	-	96.086.850	-	-	96.086.850
Giảm trong năm	-	(1.675.916.997)	(1.361.959.615)	-	(3.037.876.612)
Số dư ngày 31/12/2016	4.196.969.649	25.710.707.042	335.135.125	-	30.242.811.816
Khấu hao lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2016	1.740.394.668	9.727.654.712	-	-	11.468.049.380
Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	(585.714.085)	-	-	(585.714.085)
Số dư ngày 31/12/2016	1.740.394.668	9.141.940.627	-	-	10.882.335.295
Giá trị còn lại					
Số dư ngày 01/01/2016	2.456.574.981	17.562.882.477	1.697.094.740	-	21.716.552.198
Số dư ngày 31/12/2016	2.456.574.981	16.568.766.415	335.135.125	-	19.360.476.521

Bất động sản tăng trong năm do nhà nước giao thêm để quản lý; giảm trong năm do bán theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Phải trả người bán	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Cty ĐTTC, NS Quận BT... (các khoản thu tiền nhà trả góp chung cư + nền đất tái định cư)			17.785.745.428	17.785.745.428
- Lê Minh Vũ-Vận chuyển rác - Xe ép 2185	316.949.047	316.949.047	780.283.045	780.283.045
- Lê Thanh Tươi - Vận chuyển rác - Xe ép 7579	374.116.038	374.116.038	1.061.373.226	1.061.373.226
- Công trình sửa chữa Đài Tưởng Niệm Liệt Sĩ Q Bình Thạnh	-	-	174.170.000	174.170.000
- Công ty TNHH CPXD CTGT Thành Tâm	-	-	1.024.857.713	1.024.857.713
- Công ty TNHH TM VLXD Ngọc Châu Hải	5.796.218	5.796.218	272.749.965	272.749.965
- Công ty CP KT Đông Phương	-	-	222.346.850	222.346.850
- Công ty CP VL Nam Vi sai	-	-	196.080.000	196.080.000
- Công ty TNHH MTV TM SX Đồ gỗ Kim Thọ	-	-	110.053.900	110.053.900
- Công ty TNHH Thổ Mỹ Thành	-	-	249.424.267	249.424.267
- Công ty TNHH Tiến Trường	503.923.000	503.923.000	307.550.000	307.550.000
- Công ty TNHH Đầu tư Đinh Uy	-	-	263.359.800	263.359.800
- Công trình duy tu quản lý đường bộ không vật tư	-	0	568.903.400	568.903.400
- Quỹ Phát triển Nhà ở Thành phố - Dự án Phường 26	58.760.856	58.760.856	455.117.338	455.117.338
- Công trình duy tu ngoài khoán đợt 2/2015	-	-	1.030.695.826	1.030.695.826
- Công trình sửa chữa trụ sở UBND P27	-	-	112.800.000	112.800.000
- Công trình NC vỉa hè đường Nơ Trang Long	-	-	279.270.000	279.270.000
- Công trình VSMT rạch hẻm 132 Nguyễn Hữu Cảnh	-	-	201.010.000	201.010.000
- Công trình XD trụ sở UBND P24	-	-	219.300.000	219.300.000
- Công trình XD trụ sở UBND P12	-	-	294.055.000	294.055.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

12. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
- Thuế GTGT	2.247.361.429	7.144.947.478	7.789.118.122	1.603.190.785
- Thuế TNDN	1.115.072.866	1.724.180.572	1.416.288.985	1.422.964.453
- Thuế TNCN	212.334.765	249.970.802	287.510.093	174.795.474
- Thuế nhà đất	22.513.033	73.603.226	96.116.259	-
- Tiền thuê đất	4.318.516.045	5.814.225.095	405.920.000	9.726.821.140
- Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí	273.676.349	3.398.431.061	3.379.717.206	292.390.204
- Các khoản nộp thu tiền nhà SHNN	1.707.452.065	3.407.839.065	2.439.101.946	2.676.189.184
- Các khoản phải nộp khác		552.750.984		552.750.984
Tổng cộng	9.896.926.552	22.368.948.283	15.816.772.611	16.449.102.224

Trong đó:

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2016	01/01/2016
Thuế GTGT	1.603.190.785	2.247.361.429
- Thuế TNDN	1.422.964.453	1.115.072.866
- Thuế TNCN	174.795.474	212.334.765
- Thuế nhà đất	-	22.513.033
- Tiền thuê đất	9.726.821.140	4.318.516.045
- Các khoản phí, lệ phí	292.390.204	273.676.349
- Các khoản nộp thu tiền nhà SHNN	2.676.189.184	1.707.452.065
- Các khoản phải nộp khác	552.750.984	
Tổng cộng	16.449.102.224	9.896.926.552

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

Dịch vụ vệ sinh, thoát nước đường phố, công viên và các hoạt động khác 10%

Thuế TNDN

Xem thuyết minh IV.10 và V.12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

12. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Theo hướng dẫn của công văn số 6047/UBND-CNN ngày 13/11/2013 về việc quản lý, sử dụng tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố là đại diện chủ sở hữu đang tạm giao cho các công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước quản lý giữ hộ thì tiền thu được từ việc cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước sau khi khấu trừ chi phí quản lý và các chi phí hợp lệ khác được nộp vào một mục riêng của ngân sách thành phố.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi

13. Phải trả công nhân viên	31/12/2016	01/01/2016
- Lương nhân viên văn phòng	976.636.527	850.924.574
- Lương bộ phận dịch vụ vệ sinh	9.456.301.720	6.014.364.370
- Lương bộ phận quản lý nhà	1.451.276.021	993.766.579
- Lương bộ phận CVCX	-	210.751.718
- Lương viên chức quản lý	615.111.995	574.452.822
Tổng cộng	12.499.326.263	8.644.260.063

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2016 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ. Hiện Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2016.

14. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2016	01/01/2016
a Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện	5.953.534.874	4.710.053.574
Tổng cộng	5.953.534.874	4.710.053.574

Là khoản tiền được tích lũy tương ứng với khoản phải thu. Công ty ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo cơ sở thực thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	31/12/2016	01/01/2016
15. Phải trả khác		
<i>a Phải trả ngắn hạn khác</i>	-	
- Kinh phí công đoàn	9.859.000	108.640.550
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	300.812.152	109.840.152
- Lãi thu hộ chung cư tái định cư	9.949.080.426	7.223.826.770
- Thuế GTGT thu hộ chung cư tái định cư	-	2.152.951.529
- Công ty Phát Triển nhà Bình Thạnh	404.311.000	404.311.000
- Dự án Phường 07 - Giá trị quyền sử dụng đất	-	1.677.260.080
- Thuế thu nhập cá nhân	171.419.324	220.605.271
- Lương công nhân viên	328.971.724	2.378.391.745
- Phải trả kinh phí sửa chữa chung cư 1050 căn- Viettracimex.	1.550.000.000	1.550.000.000
- Kinh phí sửa chữa chung cư 500D - CPXD5	2.237.751.415	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Phúc Gia	9.854.000.000	-
- Công ty CP Địa ốc Sài Gòn (thực hiện dự án Phường 13)	424.251.280	-
- Công ty CP Đầu tư Vinh Phát (thuộc Công nợ nhà SHNN)	50.000.000	-
- Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Cty ĐTTTC,NS Quận BT... (các khoản thu tiền nhà trả góp chung cư + nền đất tái định cư)	29.664.508.733	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	100.901.487	407.675.595
Tổng cộng	55.045.866.541	16.233.502.692
<i>b Phải trả dài hạn khác</i>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn;	25.000.000	25.000.000
Tổng cộng	25.000.000	25.000.000

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
Quỹ khen thưởng	2.443.687.786	7.520.913.567	4.615.675.839	5.348.925.514
Quỹ phúc lợi	2.054.094.037	5.195.056.066	1.944.829.000	5.304.321.103
Quỹ thưởng ban điều hành	493.055.596	681.801.923	635.610.295	539.247.224
Tổng cộng	4.990.837.419	13.397.771.556	7.196.115.134	11.192.493.841

17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	31/12/2016	01/01/2016
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	210.000.000
Tổng cộng	-	210.000.000



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

18. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2016		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
a				
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn				
Nợ vay đến hạn trả				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam			637.500.000	637.500.000
Tổng cộng	-	-	637.500.000	637.500.000
<i>Tăng trong năm do chuyển nợ vay dài hạn đến hạn trả</i>				
b				
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	1.912.500.000	1.912.500.000		1.912.500.000
Tổng cộng	1.912.500.000	1.912.500.000	-	1.912.500.000

(*) Giảm trong năm: trong đó giảm do thanh toán nợ gốc là: 1.275.000.000 đồng, giảm do chuyển nợ đến hạn trả 637.500.000 đồng

Vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 13.36.0032/HĐTD với các nội dung chính như sau:

Thời hạn vay: 48 tháng

Lãi suất vay: 8,3%/năm

Tài sản đảm bảo: Số tiền gọi tiết kiệm có kỳ hạn số tiền: 6.000.000.000 đồng

Ngày đảo hạn: 04/04/2017

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	14.844.000.000			6.183.134.499	5.941.418.818	26.968.553.317
Tăng vốn năm trước	2.412.635.403					2.412.635.403
Giảm vốn năm trước				(2.412.635.403)		(2.412.635.403)
Chuyển qua quỹ khen thưởng và phúc lợi				(3.770.499.096)		(3.770.499.096)
Lãi trong năm trước					6.003.208.066	6.003.208.066
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và ban điều hành					(5.568.942.568)	(5.568.942.568)
Số dư cuối năm trước	17.256.635.403	-	-	-	6.375.684.316	23.632.319.719
Tăng vốn năm nay						-
Giảm vốn năm nay						-
Lãi trong năm					6.896.722.287	6.896.722.287
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và ban điều hành					(13.187.878.638)	(13.187.878.638)
Giảm do truy thu, phạt thuế các năm trước					(84.527.965)	(84.527.965)
Số dư cuối năm nay	17.256.635.403	-	-	-	-	17.256.635.403

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2016	01/01/2016
Vốn của nhà nước	17.256.635.403	17.256.635.403
Vốn góp của các đối tượng khác		
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	31/12/2016	01/01/2016
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn vào ngày 01/01/2016	17.256.635.403	14.844.000.000
+ Vốn tăng trong năm	-	2.412.635.403
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn vào ngày 31/12/2016	<u>17.256.635.403</u>	<u>17.256.635.403</u>
d. Quỹ đầu tư phát triển	2016	2015
- Số dư đầu năm (01/01/2016)	-	6.183.134.499
Tăng trong năm		
Giảm để tăng vốn điều lệ	-	(2.412.635.403)
Giảm do chuyển về quỹ khen thưởng và phúc lợi		(3.770.499.096)
- Số dư cuối năm (31/12/2016)	<u>-</u>	<u>-</u>
<p>Năm 2015 Quỹ đầu tư chuyển về quỹ khen thưởng phúc lợi theo Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2014 của Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận Bình Thạnh.</p>		
20. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí	2016	2015
- Số dư đầu năm (ngày 01 tháng 01 năm 2016)	6.824.988.567	7.697.964.952
Tăng trong năm	16.414.561.246	13.241.633.560
-Thu hộ ngân sách các tiền nhà sở hữu của Nhà nước và nhà sản xuất kinh doanh	14.886.751.810	11.776.378.843
-Thu 2% chi phí quản lý chung cư	142.299.978	291.374.871
-Thu 3% chi phí đầu tư sửa chữa chung cư	107.553.682	665.473.122
-Thu phí lệ phí vệ sinh	500.999.590	490.207.900
-Thu kinh phí quản lý đất nền	774.384.730	-
-Tăng khác	2.571.456	18.198.824
Giảm trong năm	17.677.484.461	14.114.609.945
-Chi hoạt động nhà sở hữu của Nhà nước và nhà sản xuất kinh doanh	14.886.751.810	11.776.378.843
-Kinh phí sự nghiệp nhà thuộc SHNN	172.799.181	519.283.924
-Chi 2% chi phí quản lý chung cư	786.677.307	410.169.876
-Chi 3% chi phí đầu tư sửa chữa chung cư	208.014.149	428.108.592
-Chi phí lệ phí vệ sinh	500.999.590	980.668.710
-Chi kinh phí quản lý đất nền	847.821.732	-
-Chi khác	274.420.692	-
- Số dư cuối năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016)	<u>5.562.065.352</u>	<u>6.824.988.567</u>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

		2016	2015	
b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ				
- Số dư đầu năm (ngày 01 tháng 01 năm 2016)		25.569.189.113	26.509.616.959	
Tăng trong năm		96.086.850	-	
Giảm trong năm		2.452.162.527	940.427.846	
- Số dư cuối năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016)		<u>23.213.113.436</u>	<u>25.569.189.113</u>	
20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	31/12/2016		01/01/2016	
a. Kim khí quý, đá quý:	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Vàng	18,8 lượng	658.000.000	18,8 lượng	333.700.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

		2016	2015
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		174.602.078.561	162.709.082.270
Trong đó:			
Doanh thu công trình kinh doanh		18.176.965.930	25.176.281.211
Doanh thu công trình công ích		37.971.912.729	39.131.540.001
Doanh thu quét thu gom rác+VS thùng		56.407.003.022	55.527.295.425
Doanh thu vận chuyển rác		16.620.180.729	8.113.841.956
Doanh thu thu lệ phí vệ sinh		8.880.618.084	7.936.971.686
Doanh thu dịch vụ vệ sinh công nghiệp		459.027.273	752.468.869
Doanh thu nhà cho thuê ở		5.775.725.808	4.293.916.754
Doanh thu nhà sản xuất kinh doanh		8.530.216.642	6.953.811.051
Doanh thu nhà xe thanh đa		585.574.269	532.172.638
Doanh thu dịch vụ quản lý chung cư		3.094.760.374	2.821.576.684
Doanh thu đội công viên cây xanh		6.963.309.463	3.410.435.021
Doanh thu duy tu đường bộ		5.812.051.006	8.058.770.974
Doanh thu dự án		5.324.733.232	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:		19.109.409.922	15.899.850.424
Trong đó:			
Phí vệ sinh, BVMT...		3.716.893.613	4.116.013.617
Giảm trừ doanh thu DV khác		4.764.909	7.457.964
Nguồn thu nhà SHNN, công tác thu phí vệ sinh		15.387.751.400	11.776.378.843
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		155.492.668.639	146.809.231.846

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	2016	2015
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn công trình kinh doanh	17.127.562.679	24.090.989.464
Giá vốn công trình công ích	34.934.084.435	36.000.922.289
Giá vốn thu gom rác	49.857.839.966	48.802.521.171
Giá vốn vận chuyển rác	15.248.743.012	7.417.487.924
Giá vốn thu lệ phí vệ sinh	2.589.309.316	2.141.209.279
Giá vốn dịch vụ vệ sinh công nghiệp	382.511.500	641.432.592
Giá vốn dịch vụ quản lý nhà chung cư	3.094.760.374	2.484.072.956
Giá vốn đội công viên cây xanh	7.731.464.582	3.063.085.298
Giá vốn duy tu đường bộ	5.513.044.060	7.686.562.779
Giá vốn dự án	2.196.963.342	-
Tổng cộng	138.676.283.266	132.328.283.752
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi +lãi dự án Phường 7	1.613.253.967	1.789.484.527
Tổng cộng	1.613.253.967	1.789.484.527
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	97.961.614	203.786.615
Tổng cộng	97.961.614	203.786.615
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	6.595.350.047	7.245.054.357
Chi phí vật liệu quản lý	289.580.108	139.359.439
Chi phí đồ dùng văn phòng	241.713.640	98.416.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.158.083	214.335.035
Thuế, phí và lệ phí	29.750.057	22.074.059
Trích Quỹ PT KHCN	(16.958.000)	210.000.000
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	378.988.068	216.092.940
Chi phí bằng tiền khác	2.696.023.146	917.794.109
Điều chỉnh giảm do hoàn nhập quỹ PT khoa học công nghệ	-	(280.000.000)
Tổng cộng	10.330.605.149	8.783.126.301
6. Thu nhập khác		
Thuê mặt bằng 23 Trần Quý Cáp, Bình Thạnh	-	305.454.543
Cho thuê mặt bằng đặt máy ATM	38.181.816	38.181.816
Thu nhập theo Biên bản xử lý tài chính ngày 31/12/2016	573.751.134	-
Thu nhập khác	56.146.649	97.411.271
Tổng cộng	668.079.599	441.047.630

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	2016	2015
7. Chi phí khác		
Chi phí khác	48.249.317	87.377.507
Tổng cộng	48.249.317	87.377.507
8. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.620.902.859	7.637.189.828
Trích quỹ khoa học công nghệ	-	210.000.000
Thu nhập tính thuế	8.620.902.859	7.427.189.828
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.724.180.572	1.633.981.762

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	2016	2015
1. Các giao dịch không bằng tiền		
- Chuyển quỹ đầu tư phát triển thành vốn chủ sở hữu; <input type="checkbox"/>	-	2.412.635.403
- Chuyển quỹ đầu tư phát triển thành quỹ khen thưởng phúc lợi <input type="checkbox"/>		3.770.499.096
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	1.275.000.000	1.275.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.788.909.638		44.953.964.140	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	36.820.117.937		31.792.930.420	
Tổng cộng	77.609.027.575	-	76.746.894.560	-
Công nợ tài chính			31/12/2016	01/01/2016
Phải trả người bán, phải trả khác			60.892.020.599	42.148.257.850
Các khoản vay			637.500.000	1.912.500.000
Tổng cộng			61.529.520.599	44.060.757.850

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty ít chịu nhiều rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không có vì Công ty không sử dụng tiền bằng ngoại tệ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty ít chịu rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải trả. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hoá lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Công ty không có rủi ro về giá (rủi ro cổ phiếu)

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.788.909.638		40.788.909.638
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	33.666.248.817	3.153.869.120	36.820.117.937
Tổng cộng	74.455.158.455	3.153.869.120	77.609.027.575
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	60.867.020.599	25.000.000	60.892.020.599
Các khoản vay	637.500.000	-	637.500.000
Tổng cộng	61.504.520.599	25.000.000	61.529.520.599
Chênh lệch thanh khoản thuần	12.950.637.856	3.128.869.120	16.079.506.976

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.953.964.140		44.953.964.140
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	16.810.084.389	14.982.846.031	31.792.930.420
Tổng cộng	61.764.048.529	14.982.846.031	76.746.894.560
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	42.123.257.850	25.000.000	42.148.257.850
Các khoản vay		1.912.500.000	1.912.500.000
Tổng cộng	42.123.257.850	1.937.500.000	44.060.757.850
Chênh lệch thanh khoản thuần	19.640.790.679	13.045.346.031	32.686.136.710

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

2. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2016 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 23 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Hậu

Phạm Thị Ánh Hồng

Dương Hồng Nhân

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm